

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;
thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ
lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1559/TTr-STP ngày 08/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các nội dung liên quan tại các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: số 614/QĐ-CT ngày 25/3/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2127/QĐ-CT ngày

09/9/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực tư pháp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Đài PT&TH HP; Báo HP; Báo ANHP;
- Công TTĐT TP;
- Các Phòng: KSTTHC, NC&KTGS;
- CV: KSTTHC;
- Lưu: VT. *đ*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
LĨNH VỰC TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (04 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Tư pháp	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Dịch vụ bưu chính công ích	
LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI (04 thủ tục)								
1	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	20 ngày	20 ngày	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020; - Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
2	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	15 ngày	15 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.

3	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	15 ngày	15 ngày	Sở Tu pháp	Không		Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.
4	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	15 ngày	15 ngày	Sở Tu pháp	Không		Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ TƯ PHÁP (24 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI (09 thủ tục)							
1	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.
2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.
3	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.
4	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP

							ngày 28/8/2020.
5	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	10 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.
6	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	- Trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng: 03 ngày làm việc; - Trường hợp thay đổi khác: 07 ngày làm việc.	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.
7	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.
8	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.
9	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020.

II. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (06 thủ tục)

1	<p>Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác</p>	15 ngày	Sở Tư pháp	1.500.000 đồng	Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
2	<p>Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác</p>	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	1.000.000 đồng	Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài: 500.000 đồng; - Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 3.000.000 đồng. 	Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trường chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	500.000 đồng	Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

5	<p>Đăng ký hoạt động Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác</p>	10 ngày làm việc	Sở Tư pháp	5.000.000 đồng		<p>Nộp hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.
6	<p>Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam</p>	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài: 1.500.000 đồng; - Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài: 1.000.000 đồng; - Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 5.000.000 đồng. 	Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016.

III. LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI (09 thủ tục)

1	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.
2	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	15 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.
3	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	07 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017.
4	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	10 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.
5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy	05 ngày làm việc	Sở Tư pháp	Không quy định		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-

	đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam						BTP ngày 26/02/2018.
6	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.
7	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	10 ngày	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.
8	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017.

	ngoài tại Việt Nam	Chi nhánh					
9	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận báo cáo của Chi nhánh	Sở Tư pháp	Không		Nộp hồ sơ	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018.

PHỤ LỤC 2**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số 3339 /QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ
DỮ LIỆU HỘ TỊCH (CSDLHT)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	
LĨNH VỰC HỘ TỊCH (01 thủ tục)							
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Cơ quan quản lý CSDLHT (Sở Tư pháp; UBND cấp huyện/ cấp xã; Phòng Tư pháp)	8.000 đồng/bản sao	Mức độ 3	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (15 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4	Dịch vụ bưu chính công ích	

LĨNH VỰC HỘ TỊCH (15 thủ tục)

1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	UBND cấp huyện	1.500.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với			- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-

				cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp cần xác minh: không quá 03 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	UBND cấp huyện	1.500.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;			- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số

				thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày 12/7/2018.
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	UBND cấp huyện	- Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng. - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng. (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày 12/7/2018.
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Đăng ký giám hộ cứ: 05 ngày làm việc; - Đăng ký giám hộ đương nhiên: 03 ngày làm	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với		Nộp hồ sơ	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015;

		việc.		cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Bổ sung thông tin hộ tịch: Ngay trong ngày làm việc; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp	UBND cấp huyện	28.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo;		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;

		theo. - Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc: 03 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh: không quá 06 ngày làm việc.		người khuyết tật)			- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số

				thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày 12/7/2018.
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh: không quá 03 ngày làm việc.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày 12/7/2018.
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày

							12/7/2018.
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh: không quá 25 ngày.	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh: không quá 25 ngày.	UBND cấp huyện	1.500.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)			- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải tiến	UBND cấp huyện	75.000 đồng (miễn lệ	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số

		hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.		phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày 12/7/2018.
--	--	---	--	--	--	--

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (16 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Dịch vụ bưu chính công ích	
LĨNH VỰC HỘ TỊCH (16 thủ tục)							
1	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	UBND cấp xã	- Đăng ký khai sinh đúng hạn: miễn. - Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
2	Đăng ký kết hôn	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ;	UBND cấp xã	Không			- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số

		<p>trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ: không quá 05 ngày làm việc.</p>				<p>123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;</p> <p>- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.</p>
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	<p>03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh: không quá 08 ngày làm việc.</p>	UBND cấp xã	<p>10.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)</p>		<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020;</p> <p>- Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.</p>
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	<p>03 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh: không</p>	UBND cấp xã	<p>- Đăng ký khai sinh đúng hạn: miễn.</p>		<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch</p>

		quá 08 ngày làm việc.		<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng. - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 10.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) 		<ul style="list-style-type: none"> năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
5	Đăng ký khai tử	03 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh: không quá 08 ngày làm việc.	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai tử đúng hạn: miễn. - Đăng ký khai tử quá hạn: 8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách 	Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.

				mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		
6	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	- Đăng ký khai sinh đúng hạn: miễn. - Đăng ký khai sinh quá hạn: 8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)		- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày 12/7/2018.
7	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không		- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;

							<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
8	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai tử đúng hạn: miễn. - Đăng ký khai tử quá hạn: 8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật) 			<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
9	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không		Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số

							04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
10	Đăng chấm giám hộ	ký dứt	02 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Nộp hồ sơ	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày 12/7/2018.
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch		- Thay đổi, cải chính hộ tịch: 03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh: không quá 06 ngày làm việc. - Bổ sung thông tin hộ tịch: Ngay trong ngày làm việc; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả	UBND cấp xã	10.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)	Nộp hồ sơ	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày 12/7/2018.

		kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.					
12	Cấp Giấy xác nhận tình hôn nhân	03 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh: không quá 23 ngày.	UBND cấp xã	5.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hệ nghèo; người khuyết tật)	Mức độ 3	Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
13	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh: không quá 25 ngày.	UBND cấp xã	8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hệ nghèo; người khuyết tật)		Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác	UBND cấp xã	8.000 đồng (miễn lệ		Nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số

	hồ sơ, giấy tờ cá nhân	minh: không quá 25 ngày.		phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hệ nghèo; người khuyết tật)			123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
15	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh: không quá 25 ngày.	UBND cấp xã	30.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; thuộc hệ nghèo; người khuyết tật)			- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018.
16	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh: không quá 10 ngày làm việc.	UBND cấp xã	8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách		Nộp hồ sơ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019;

				mạng; thuộc hệ nghèo; người khuyết tật)			- Thông tư số 04/2020/TT- BTP ngày 28/5/2020; - Nghị quyết số 12/2018/NQ- HĐND ngày 12/7/2018.
--	--	--	--	--	--	--	---

PHỤ LỤC III

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số 3339 /QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ TƯ PHÁP (28 thủ tục)

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (18 thủ tục)				
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
5	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
6	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
7	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp

8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
9	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
10	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
11	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
12	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
13	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
14	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
15	Thông báo về việc thành	Quyết định số 1955/QĐ-	Trọng tài	Sở Tư pháp

	lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài	BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	thương mại	
16	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
17	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trưởng Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
18	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Trọng tài thương mại	Sở Tư pháp
II. LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI (10 thủ tục):				
1.	Thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khôi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Sở Tư pháp
2.	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Sở Tư pháp
3.	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Sở Tư pháp
4.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Sở Tư pháp
5.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Sở Tư pháp



6.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Sở Tư pháp
7.	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Sở Tư pháp
8.	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Sở Tư pháp
9.	Thay đổi tên gọi, Trưởng Chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Sở Tư pháp
10.	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18/9/2020 của Bộ Tư pháp	Hòa giải thương mại	Sở Tư pháp